

Số: 3223/BC-KKT

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
Công khai tài chính năm 2021

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài Chính - Bộ Nội Vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban;

Căn cứ số liệu báo cáo năm 2021;

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa báo cáo công khai tình hình sử dụng kinh phí hoạt động của cơ quan đến toàn thể cán bộ công chức Ban như sau:

A. NGUỒN KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG:

DVT: Đồng

| S TT | Nội dung | Số ngân sách cấp năm 2021 | Số thực hiện đến 15/12/2021 | Ước thực hiện đến 31/12/2021 | Kinh phí còn lại chưa sử dụng |
|------|---|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| I | NGUỒN KP TỰ CHỦ NĂM 2021 | 4.746.987.225 | 4.109.047.404 | 4.371.118.541 | 375.868.684 |
| 1 | Kinh phí năm 2021 chuyển qua | 561.987.225 | | | 561.987.225 |
| | - Kinh phí khoán Chi hành chính (N13) | 393.754.308 | | | 393.754.308 |
| | - KP tạo nguồn cải cách tiền lương (N14) | 168.232.917 | | | 168.232.917 |
| 2 | Nguồn kinh phí Chi hoạt động thường xuyên năm 2021: (Cấp đầu năm 4.413.000.000đ - 59.000.000đ tiết kiệm 10% - 135.000.000đ giảm 02 Biên chế - 34.000.000đ điều chỉnh giảm 01 hợp đồng NĐ 68) | 4.185.000.000 | 4.109.047.404 | 4.371.118.541 | (186.118.541) |

| S TT | Nội dung | Số ngân sách cấp năm 2021 | Số thực hiện đến 15/12/2021 | Ước thực hiện đến 31/12/2021 | Kinh phí còn lại chưa sử dụng |
|---------|--|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|
| | + Tiền lương | | 1.980.389.802 | 1.980.389.802 | |
| | + Tiền công | | 238.549.500 | 238.549.500 | |
| | + Phụ cấp (chức vụ, công vụ, một cửa,...) | | 713.881.580 | 713.881.580 | |
| | + Chi hỗ trợ cán bộ đi học (dân quân tự vệ) | | 2.500.000 | 2.500.000 | |
| | + Tiền thưởng | | 48.723.000 | 98.723.000 | |
| | + Chi phúc lợi tập thể | | 73.918.800 | 79.918.800 | |
| | + Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ | | 489.815.204 | 545.508.608 | |
| | + Chi tăng thu nhập | | 68.000.000 | 68.000.000 | |
| | + Các khoản thanh toán cho cá nhân (Chi hỗ trợ kiểm soát thủ tục hành chính) | | 8.000.000 | 8.000.000 | |
| | + Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, xăng xe, phí vệ sinh môi trường...) | | 106.448.299 | 121.448.299 | |
| | + Vật tư văn phòng | | 98.672.300 | 103.672.300 | |
| | + Thông tin, tuyên truyền, liên lạc | | 59.345.774 | 64.740.844 | |
| | + Công tác phí | | 60.401.000 | 60.401.000 | |
| | + Chi thuê mướn (đào tạo CB, thuê mướn khác, ...) | | 9.300.000 | 11.300.000 | |
| | + Chi sửa chữa (ô tô, điều hòa nhiệt độ, thiết bị tin học, hệ thống nước) | | 54.597.700 | 64.597.700 | |
| | + Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành (trang phục dqtv, tài liệu dùng cho công tác chuyên môn, xử lý tài liệu tích đồng) | | 2.680.000 | 105.386.462 | |
| | + Chi mua sắm tài sản vô hình (bảo trì phần mềm) | | 2.500.000 | 2.500.000 | |
| | + Chi khác (tiếp khách, hỗ trợ, bảo hiểm xe ô tô, phí lệ phí...) | | 64.035.095 | 74.311.296 | |
| | + Chi hỗ trợ giải quyết việc làm | | 27.289.350 | 27.289.350 | |

| S | TT | Nội dung | Số ngân sách cấp năm 2021 | Số thực hiện đến 15/12/2021 | Ước thực hiện đến 31/12/2021 | Kinh phí còn lại chưa sử dùng |
|---|-----|--|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|
| | II | NGŨN KP KHÔNG TỰ CHỦ 2021 | 517.000.000 | 162.993.900 | 511.446.000 | 5.554.000 |
| | 1 | Kinh phí xúc tiến đầu tư (cấp đầu năm 180.000.000đ - 13.000.000đ tiết kiệm 10%) | 167.000.000 | 93.047.900 | 167.000.000 | |
| | 2 | Kinh phí bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyễn dân | 48.000.000 | 44.050.000 | 44.050.000 | 3.950.000 |
| | 3 | Kinh phí nhân bút, thù lao đăng thông tin điện tử Ban | 20.000.000 | | 20.000.000 | |
| | 4 | Kinh phí thuê đất máy chủ | 21.000.000 | 20.196.000 | 20.196.000 | 804.000 |
| | 5 | Kinh phí mua sắm tài sản (cấp đầu năm 54.000.000đ) | 54.000.000 | | 53.200.000 | 800.000 |
| | 6 | Kinh phí phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ban (cấp đầu năm 63.000.000đ - 6.000.000đ tiết kiệm 10%) | 57.000.000 | 5.700.000 | 57.000.000 | |
| | 7 | Kinh phí sử dụng môi trường (cấp đầu năm 107.000.000đ - 11.000.000đ tiết kiệm 10% - 96.000.000đ điều chỉnh giám không thực hiện) | | | | |
| | 8 | Kinh phí chu trí đơn vị Khôi thi đua các Ban quản lý | 10.000.000 | | 10.000.000 | |
| | 9 | Kinh phí lập hồ sơ đo đạc xác định vị trí diện tích, hiện trạng rừng phi lao chống cát trôi tại Đám Môn | 95.000.000 | | 95.000.000 | |
| | 10 | Kinh phí mua sắm tài sản (cấp bổ sung 45.000.000đ NIS) | 45.000.000 | | 45.000.000 | |
| | III | Chi sử dụng | 2.667.000.000 | 387.296.600 | 2.631.958.000 | 35.042.060 |
| | 1 | Kinh phí duy tu bảo dưỡng các tuyến đường | 990.000.000 | 311.667.600 | 990.000.000 | |
| | 2 | Kinh phí đo đạc rừng phi lao chống cát trôi (Cấp bổ sung trong năm) | 95.000.000 | | 95.000.000 | |
| | 3 | Kinh phí sử dụng môi trường (Cấp bổ sung trong năm: 150.000.000đ - 100.000.000đ điều chỉnh giám) | 50.000.000 | | 14.958.000 | 35.042.000 |

| S TT | Nội dung | Số ngân sách cấp năm 2021 | Số thực hiện đến 15/12/2021 | Ước thực hiện đến 31/12/2021 | Kinh phí còn lại chưa sử dụng |
|---------|--|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|
| 4 | <i>Kinh phí thực hiện đo đạc, lập quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu vực du lịch tập trung Đông Nam Ninh Phước (Cấp bổ sung trong năm)</i> | 1.532.000.000 | 75.629.000 | 1.532.000.000 | |
| | CỘNG CHI NSNN | 7.930.987.225 | 4.659.337.904 | 7.514.522.541 | 416.464.684 |
| IV | NGUỒN THU PHÍ, LỆ PHÍ (số dư năm 2021 chuyển qua 53.527.579đ + số thu năm được để lại trong năm: 14.056.500đ). | 67.584.079 | 12.741.100 | 21.854.623 | 45.729.456 |
| | Nguồn Ngân sách | 58.352.926 | 12.741.100 | 15.271.270 | 43.081.656 |
| | Nguồn CCTL | 9.231.153 | | 6.583.353 | 2.647.800 |
| V | Ban Quản lý dự án hạ tầng Khu kinh tế và Khu công nghiệp (Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên) | 20.000.000 | 15.600.000 | 15.600.000 | 4.400.000 |
| 1 | Chi hỗ trợ lễ, tết Nguyên đán | 20.000.000 | 15.600.000 | 15.600.000 | 4.400.000 |

1. Đánh giá kết quả thực hiện chế độ cải cách tiền lương:

Ban đã thực hiện tốt chế độ cải cách tiền lương, vẫn đảm bảo nguồn tiền tiết kiệm để thực hiện chế độ cải cách tiền lương và lộ trình tăng lương từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên.

2. Nhận xét, đánh giá về kinh phí hoạt động:

- Nguồn kinh phí không tự chủ: Ước còn lại dự toán 5.554.000 đồng do chi theo thực tế.

- Nguồn kinh phí chi sự nghiệp: Ước còn lại dự toán 35.042.000 đồng do chi theo thực tế.

- Nguồn kinh phí tự chủ: Ước chi hết theo số dự toán được cấp.

B. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Năm 2021, Kế hoạch vốn đầu tư XDCB được bố trí: 89.406.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Vốn Trung ương: 88.506.000.000 đồng.

- KH vốn năm 2021: 87.215.000.000 đồng.

- Vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021: 1.291.000.000 đồng.
- + Vốn Địa phương: 900.000.000 đồng.
 - KH Vốn CBĐT năm 2021: 900.000.000 đồng.
- * Đã giải ngân tính đến 15/12/2021:
- + Vốn Trung ương: 59.970.000.000 đồng đạt 68% KH.
 - KH vốn năm 2021: 59.970.000.000 đồng.
 - Vốn chuyển nguồn 2020 sang 2021: 0 đồng.
- + Vốn Địa phương: 600.000.000 đồng đạt 67% kế hoạch.
 - KH Vốn CBĐT năm 2021: 600.000.000 đồng.
- * Ước thực hiện đến 31/01/2022:
- + Vốn Trung ương: đạt 100% kế hoạch.
- + Vốn Địa phương: đạt 100% kế hoạch.

(Chi tiết theo bảng sau)

ĐVT: Ngàn Đồng

| Stt | Tên dự án | KH vốn năm 2021 | Đã giải ngân đến 15/12/2021 | Ước thực hiện đến 31/01/2022 | Kế hoạch vốn còn lại, chuyển năm sau, hủy bỏ |
|-----------|---|-------------------|-----------------------------|------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 3-5 |
| I | VỐN TRUNG ƯƠNG (A+B) | 88.506.000 | 59.970.000 | 88.506.000 | 0 |
| A | Kế hoạch năm 2021 | 87.215.000 | 59.970.000 | 87.215.000 | 0 |
| 1 | Đường GT từ Quốc Lộ 1A đến Đầm Môn | 87.215.000 | 59.970.000 | 87.215.000 | 0 |
| B | Kế hoạch năm 2020 chuyển sang 2021 | 1.291.000 | 0 | 1291.000 | 0 |
| 1 | Đường GT từ Quốc Lộ 1A đến Đầm Môn | 1.291.000 | 0 | 1291.000 | 0 |
| II | VỐN ĐỊA PHƯƠNG | 900.000 | 600.000 | 900.000 | 0 |
| A | Vốn chuẩn bị đầu tư | 900.000 | 600.000 | 900.000 | 0 |
| 1 | Đường giao thông Ngoài Cảng trung chuyển QTVP | 600.000 | 600.000 | 600.000 | 0 |
| 2 | Cải tạo Trụ sở Ban | 300.000 | 0 | 300.000 | 0 |
| | TỔNG CỘNG (I +II) | 89.406.000 | 60.570.000 | 89.406.000 | |

Tóm lại: Trong năm 2021 tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến hết sức phức tạp, bão lũ xảy ra liên tục, ngân sách nhà nước còn hạn chế nên các khoản kinh phí cấp theo định mức đều bị cắt giảm (cắt giảm 02 biên chế và cắt giảm thêm 59 triệu đồng tiết kiệm chi thường xuyên 6 tháng cuối năm).

Mặc khác, tất cả các khoản chi hoạt động thường xuyên của cơ quan đều tăng do vật giá lên cao đã ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của công chức và người lao động trong cơ quan. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Ban cùng với sự cố gắng của tập thể cơ quan, phòng đã cố gắng thực hiện kiểm soát các khoản chi hết sức tiết kiệm, đúng chế độ, định mức quy định để cuối năm có khoản tiết kiệm để tăng thu nhập cho công chức và người lao động trong cơ quan. Thực hiện nghiêm túc việc công khai chi tiết số liệu dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho toàn thể công chức và người lao động trong cơ quan được biết. Công tác lập, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục, đảm bảo đúng theo các định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định.

Trên đây là báo cáo công khai tài chính năm 2021 gửi đến toàn thể công chức, và người lao động thuộc Ban để biết và giám sát việc sử dụng. /.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban;
- Lưu: VT, KHTH, VK, 02.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trọng Hoàng

